

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH
TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2019/HC-ST**

Ngày: 25-10-2019

V/v yêu cầu hủy Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân
dân.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hảo

2. Bà Dương Thị Sáng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Đan Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Nguyễn Văn Tính - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2019/TLST- HC ngày 25/6/2019 về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HC ngày 08 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. ***Người khởi kiện:*** Bà Nguyễn Thị Kim O (Nguyễn Thị O), sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số nhà 37B, tổ 2, phường M, quận C, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Hoàng L – Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 26/GUQ-CT ngày 01/8/2019): Ông Phạm Quốc C - Phó chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. (*Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt*).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Đặng Như H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: WOLKEROVA 1708/18, 35002 CHEB – CZ.

Người đại diện theo ủy quyền (Tại văn bản ủy quyền số 181/LSCC ngày 13/9/2019): Bà Trần Thị T, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số nhà 115, tổ 1, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. (*Có mặt*).

- Ông Đặng Huy P, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số nhà 115, tổ 1, phường H, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. (*Có mặt*).

- Ông Trần Thê T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: tổ 6, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. (*Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim O trình bày: Bà được thừa kế lại toàn bộ tài sản của mẹ bà là Đỗ Thị Q (đã chết năm 1999). Mẹ bà có khai phá được ba sào đất tương đương 1080m² đất đã được Nhà nước công nhận, hiện giấy tờ gốc đã được UBND tỉnh mượn. Năm 1984 Nhà nước có mở đường phố mới nay là đường Q có lấy đất của mẹ bà là 90m² và đền bù cho mẹ bà một lô đất ở tổ 34, phường T nay là tổ 25. Năm 1991 Nhà nước đào mương thoát nước thải đô thị qua giữa vườn nhà bà có đền cho bà tiền và hoa màu trên diện tích đất 100m² đào mương và đoàn thanh tra liên ngành của tỉnh Tuyên Quang đã kết luận đất của mẹ bà khai phá. Năm 1986 Đặng Như H nhảy dù làm quán bán hàng trên đất nhà bà, bà đã kiện và quán nước của Đặng Như H bị tháo dỡ. Sau đó, Đặng Như H đã chuyển nhượng cho Nguyễn Tiến S, Nguyễn Tiến H, Đặng Như H, Đặng Như H. Bà đã gửi đơn khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền từ năm

1987 đến nay nhưng chưa được giải quyết đối với trường hợp Đặng Như H. Đến tháng 5/2019 bà mới biết bà Đặng Như H được cấp Giấy CNQSD đất năm 2008 nên bà đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 826523 cấp ngày 16/6/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang cho bà Đặng Như H, địa chỉ tổ 25, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người bị kiện – UBND thành phố T trình bày: Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T nhận được hồ sơ của bà Đặng Như H, gồm các giấy tờ sau: Đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký ngày 05/01/2006, được UBND phường T xác nhận ngày 27/02/2006 tên người sử dụng đất là Đặng Như H; Bản tự kê khai nhà đất ngày 05/01/2006 mang tên bà Đặng Như H, có xác nhận của UBND phường T ngày 27/11/2006. Biên bản xác định ranh giới, hiện trạng sử dụng đất để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có chữ ký của người sử dụng đất giáp ranh, vị trí đất tiếp giáp với đất UBND phường quản lý chưa ký giáp ranh nhưng biên bản đã được UBND phường T xác nhận ngày 27/11/2006; Giấy bán vườn - hoa màu ngày 15/11/1979 (bản phô tô); Đơn xin phục chế đất đai, nhà cửa của bà Đặng Thị H ngày 26/10/1986 (bản phô tô); Giấy cho em gái đất và hoa màu của bà Đặng Như H ngày 20/9/2000 (bản phô tô); Hợp đồng ủy quyền ngày 15/4/2005 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Tuyên Quang.

Sau khi xem xét hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đặng Như H, được UBND phường T xác nhận nguồn gốc sử dụng đất “do mua của bà Đặng Như Hạnh năm 1989, hiện tại không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch”. Căn cứ Điều 50, Luật Đất đai 2003, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thị xã T ban hành Quyết định số 1015/QĐ-UBND ngày 19/5/2008 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đặng Như H.

Sau khi bà Đặng Như H thực hiện nghĩa vụ tài chính tại giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 13/6/2008, Ủy ban nhân dân thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 826523 (*số vào sổ cấp giấy CNQSD đất H 002244/TQ ngày 16/6/2008*) cho bà Đặng Như H đối với thửa đất số 283, tờ bản đồ số 16, diện tích 27,1 m² đất ở tại đô thị tại tổ 25, phường T, thị xã T (*nay là tổ 16, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang*).

Như vậy, việc UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 826523 (*số vào sổ cấp giấy CNQSD đất H 002244/TQ ngày 16/6/2008*) cho bà Đặng Như H là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. UBND thành phố T không nhất trí với đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim O và đề nghị Tòa án bác đơn của bà O.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Như H là bà Trần Thị T (chị dâu của bà H) trình bày:* Năm 1989, bà Đặng Như H và ông Trần Thế T có mua của bà Đặng Như H thửa đất số 219, tờ bản đồ số 2 (nay là thửa 283, tờ bản đồ số 16), diện tích 65 m². Năm 1996 bà H và ông T ly hôn, do đất chưa được cấp Giấy CNQSD đất nên Tòa án chưa chia đất nhưng ông T và bà H sau đó có tự thỏa thuận để bà H đứng tên trên Giấy CNQSD đất. Năm 2005, bà H vì đang sống ở nước ngoài nên đã ủy quyền cho ông Đặng Huy P là chồng bà đi kê khai và làm các thủ tục để cấp Giấy CNQSD đất hộ bà H. Ông P đã đi kê khai và bà đã nộp tiền thay cho bà H nên bà H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 826523 ngày 16/6/2008 mang tên Đặng Như H đối với thửa đất số 283, tờ bản đồ số 16, diện tích 27,1 m² đất ở tại đô thị tại tổ 25, phường T, thị xã T (nay là tổ 16, phường T, thành phố T). Bà T thấy diện tích được cấp trong GCNQSDĐ của bà H ít hơn thực tế nhưng bà thấy UBND thành phố T đã cấp Giấy CNQSD đất là đúng quy định, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà O và không có yêu cầu độc lập.

- *Ông Đặng Huy P trình bày:* Ông là anh trai của bà H là chồng của bà T. Ngày 15/4/2005 ông có được bà Đặng Như H ủy quyền cho đi làm thủ tục kê khai xin cấp Giấy CNQSD đất. Ông đã tiến hành kê khai theo hướng dẫn của UBND phường T và nộp thuế theo quy định và UBND thành phố T đã cấp Giấy CNQSD đất cho bà Đặng Như H theo quy định. Ông chỉ biết nguồn gốc đất là do bà H ông T mua lại của bà Đặng Như H, sau khi ly hôn thì ông T bà H thỏa thuận để lại nhà đất cho bà Đặng Như H nên bà H mới được cấp Giấy CNQSD đất. Khi nhận GCNQSDĐ của bà H ông không chú ý đến nay ông thấy diện tích được cấp trong GCNQSDĐ của bà H ít hơn thực tế. Ông thấy UBND thành phố T cấp Giấy CNQSD đất là đúng quy định, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà O và không có yêu cầu độc lập.

- *Ông Trần Thế T trình bày:* Khoảng năm 1988-1989, vợ chồng ông có mua của bà Đặng Như H một thửa đất, ông không nhớ rõ diện tích và mua bán có lập bằng văn bản không. Năm 1990 vợ chồng ông có làm nhà tạm sau đó Nhà nước có lấy một phần đất để làm đường nên ông bà làm nhà lùi ra phía sau. Năm 1996, ông bà ly hôn nhưng không chia tài sản. Đến khoảng năm 1998-1999, bà Đặng Như H đi nước ngoài nên có giao lại nhà đất cho ông Đặng Huy P để quản lý, trông coi và ủy quyền cho ông P làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất. Khoảng năm 2006, ông có đến UBND phường T để cùng ông Phúc thực hiện trình tự thủ tục cấp Giấy CNQSD đất mang tên bà H. Ông có được tham gia đo đạc hiện trạng và ghi vào góc phía dưới của Biên bản xác định ranh giới hiện trạng sử dụng đất là “Đề nghị UBND phường T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên riêng cô Đặng

Như H”, sau đó ông đi Hà Giang sinh sống và ông P làm các thủ tục tiếp theo. Đến nay ông mới biết UBND thành phố cấp cho bà Đăng Như H 27,1m² đất, ông không nhất trí với diện tích đã được cấp vì ít hơn so với thực tế nhưng ông không đề nghị giải quyết trong vụ án này, ông chỉ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và không có yêu cầu độc lập.

Ngày 01/10/2019 Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng đối thoại không thành. Hôm nay, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Kim O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 826523 ngày 16/6/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang cấp cho bà Đăng Như H, địa chỉ tổ 25, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt và không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim O, Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang khẳng định trình tự thủ tục thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 826523 ngày 16/6/2008 cho bà Đăng Như H, địa chỉ tổ 25, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang là đúng quy định, đề nghị Tòa án tuyên bác yêu cầu khởi kiện của bà O.

Bà T, ông P không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà O, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định và không có yêu cầu độc lập.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim O là hợp lệ, đúng thời hạn, thời hiệu theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, qua quá trình xét hỏi, tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa. Viện kiểm sát thấy rằng Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Hình thức và nội dung của Giấy CNQSD đất số AK 826523 của UBND thành phố T là đúng quy định tại Quyết định số 24/2004/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trình tự, thủ tục khi UBND thành

phố Tuyên Quang cấp Giấy CNQSDĐ đất cho bà Đặng Như H là không đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 2003, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 Nghị định về thi hành Luật Đất đai. Thời hạn cấp Giấy CNQSDĐ đất không đúng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 Nghị định về thi hành Luật Đất đai.

Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 29; Điều 30; Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 116; Điều 191; Điều 194, Điều 206, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 48, Điều 50, Điều 52 Luật Đất đai năm 2003; Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 Nghị định về thi hành Luật Đất đai; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim O về việc: Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 826523 ngày 16/6/2006 do UBND thành phố T, tỉnh Tuyên Quang cấp cho bà Đặng Như H, địa chỉ tổ 25, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự và những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử sơ thẩm hành chính thấy:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Ngày 16/6/2008, Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất số AK 826523 cho bà Đặng Như H, địa chỉ tổ 25, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Tháng 5/2019, bà Nguyễn Thị Kim O mới biết UBND thành phố T cấp Giấy CNQSD đất cho bà H nên ngày 20/8/2019 bà Nguyễn Thị Kim O đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang là trong thời hiệu khởi kiện đúng với quy định tại Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung vụ án:

1. *Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của Giấy CNQSD đất số AK 826523:*

HĐXX xét thấy về hình thức và nội dung của Giấy CNQSD đất số AK 826523 của UBND thành phố Tuyên Quang là đúng quy định tại Quyết định số 24/2004/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. *Xét về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Giấy CNQSD đất số AK 826523:*

Về thẩm quyền, căn cứ khoản 2 Điều 52 Luật Đất đai năm 2003, Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy CNQSD đất số AK 826523 là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Về trình tự, thủ tục ban hành Giấy CNQSD đất số AK 826523:

Ngày 15/4/2005, bà Đặng Như H ủy quyền cho ông Đặng Huy P đi làm thủ tục kê khai xin cấp Giấy CNQSD đất vì bà H đang định cư tại Cộng hòa Séc. Ngày 05/01/2006, ông P có đơn xin cấp Giấy CNQSD đất cho Đặng Như H và Trần Thế T, kèm theo đơn là giấy bán vườn, hoa màu giữa bà Nguyễn Thị T và bà Đặng Như H, giấy cho em gái đất và hoa màu nhưng tên người được cho là Đặng Như H. Đồng thời ngày 05/01/2006 bà Đặng Như H (không được ai ủy quyền) và ông Đặng Huy P có bản tự kê khai nhà đất cho bà H ông T gửi UBND phường T. Ngày 27/11/2006, UBND phường T xác nhận “*bà Đặng Như H, ông Trần Thế T đang sử dụng đất tại tổ 25, phường T. Nguồn gốc đất do mua của bà Đặng Như H năm 1989, hiện tại không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch*” đồng thời trong ngày 27/11/2006 đại diện UBND phường, Tổ trưởng tổ 25, ông Trần Thế T và các hộ giáp ranh đã tiến hành xác định ranh giới, hiện trạng sử dụng đất để làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất, tại phía cuối biên bản ông T có ghi “*Đề nghị UBND phường T cấp Giấy CNQSD đất mang tên riêng cô Đặng Như H*”. Ngày 16/8/2007, Phòng Tài nguyên và Môi trường đã cho ý kiến thẩm định đề nghị cấp Giấy CNQSD đất đối với 27,1m² đất. Ngày 05/5/2008, Phòng Tài nguyên và Môi trường cho ý kiến vào đơn xin cấp Giấy CNQSD đất của bà H ông T là đủ điều kiện cấp Giấy CNQSD đất đối với 27,1m² đất ở. Ngày 28/5/2008 Phòng Tài nguyên và Môi trường đã chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ thuế đối với bà Đặng Như H. Ngày 13/6/2008, bà Đặng Như H đã nộp tiền số tiền 813.000 đồng vào ngân sách nhà nước (do bà Trần Thị T nộp tiền thay). Ngày 16/6/2008, bà Đặng Như H được cấp Giấy CNQSD đất số AK 826523.

HĐXX thấy: Trong hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất do UBND thành phố T cung cấp có Giấy cho em gái đất và hoa màu nhưng không phải giấy cho bà Đặng Như H nên không được coi là một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 50 Luật Đất đai năm 2003. Do vậy, việc UBND thành phố không tiến hành công bố công khai xem trường hợp bà H có đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không? Không lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc để xem xét

các ý kiến đóng góp đối với trường hợp xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bà H) là không đúng trình tự thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 136 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 Nghị định về thi hành Luật Đất đai.

Tại Biên bản làm việc (Bút lục 166-170) ông Tâm cho biết ông T và bà H ly hôn từ năm 1996 và tài sản chưa chia do vậy đến khi kê khai để xin cấp Giấy CNQSD đất vẫn là tài sản chung. Khi UBND thành phố T cấp Giấy CNQSD đất cho bà H mà chỉ căn cứ vào dòng chữ ông T viết “ *Đề nghị UBND phường T cấp giấy chứng nhận mang tên riêng cô Đặng Như H*” ở dưới Biên bản xác định ranh giới, hiện trạng sử dụng đất ... mà không có văn bản thỏa thuận giữa bà H ông T có chứng thực của UBND phường T là không đúng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 43 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 về thi hành Luật Đất đai, khoản 3 Điều 48 của Luật Đất đai năm 2003.

Bà T, ông P, ông T và UBND phường T đều xác định nguồn gốc đất mua của bà Đặng Như H từ những năm 1989, sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Tuy nhiên, mẹ bà Nguyễn Thị Kim O là cụ Đỗ Thị Q (đã chết) đã có tranh chấp đất với bà Đặng Như H từ năm 1986, sau khi bà Q chết thì đã ủy quyền cho bà O tiếp tục đề nghị giải quyết nhưng đến nay chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết. Thời điểm UBND thành phố làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất cho bà Đặng Như H thì bà O vẫn có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp với các hộ gia đình trong đó có bà Đặng Như H đến các cơ quan có thẩm quyền trong tỉnh yêu cầu giải quyết như UBND phường T; UBND thị xã (nay là Thành phố); Tỉnh ủy Tuyên Quang (thể hiện tại các bút lục từ 86-165). Tại Biên bản làm việc với ông Hà Phúc T - công chức Văn phòng Tỉnh ủy thì ông T đã khẳng định bà O có gửi đơn đến Tỉnh ủy và các chữ ký nhận đơn của bà O là đúng chữ ký của ông T. Cho nên, HĐXX cho rằng bà O có tranh chấp đất với bà Đặng Như H tại thời điểm cấp Giấy CNQSD đất và chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết, UBND thành phố cấp Giấy CNQSD đất khi đất có tranh chấp là không đúng quy định của Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

Như vậy về trình tự, thủ tục khi UBND thành phố T cấp Giấy CNQSDĐ đất cho bà Đặng Như H là chưa đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 2003, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 Nghị định về thi hành Luật Đất đai.

3. Về thời hiệu, thời hạn cấp Giấy CNQSD đất số AK 826523:

HĐXX thấy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 Nghị định về thi hành Luật Đất đai quy định “*Thời gian thực hiện các công việc quy định tại điểm a và điểm b khoản này không quá năm mươi lăm (55) ngày làm việc (không kể thời gian công bố công khai danh sách các trường hợp xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính) kể từ ngày Văn phòng đăng ký*

quyền sử dụng đất nhận đủ hồ sơ hợp lệ cho tới ngày người sử dụng đất nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, nên UBND thành phố nhận đơn xin cấp Giấy CNQSD đất của bà H ông T từ ngày 05/01/2006 đến ngày 16/6/2008 mới cấp Giấy CNQSD đất cho bà H là chưa đúng quy định.

4. *Mối liên hệ giữa quyết định hành chính và quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và những người liên quan:*

Cụ Đỗ Thị Q (đã chết) đã có tranh chấp đất với bà Đặng Như H từ năm 1986, sau khi bà Q chết thì đã ủy quyền cho bà O tiếp tục đề nghị giải quyết tranh chấp với bà H, khi bà H bán cho các hộ ông H, ông S, bà H, bà H thì bà O vẫn tiếp tục có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp với các hộ ông H, ông S, bà H, bà H nhưng đến nay chưa được giải quyết. Thời điểm UBND thành phố làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất cho bà Đặng Như H thì bà O vẫn có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai với bà H. Do vậy, việc UBND thành phố T cấp số AK 826523 ngày 16/6/2006 có ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà O, bà H.

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy Giấy CNQSD đất số AK 826523 ngày 16/6/2006 do UBND thành phố T, tỉnh Tuyên Quang cấp cho bà Đặng Như H, địa chỉ tổ 25, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang là cấp chưa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Vì vậy cần hủy Giấy CNQSD đất số AK 826523 ngày 16/6/2006 do UBND thành phố T, tỉnh Tuyên Quang cấp cho bà Đặng Như H, địa chỉ tổ 25, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim O như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự không yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ, HĐXX thấy không cần thiết phải xem xét thẩm định tại chỗ, bà Nguyễn Thị Kim O không yêu cầu xem xét giải quyết về phân bồi thường nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 29; Điều 30; Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 116; Điều 191; Điều 194, Điều 206, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào Điều 48, Điều 50, Điều 52 Luật Đất đai năm 2003;

Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 Nghị định về thi hành Luật Đất đai.

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim O về việc:

Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 826523 ngày 16/6/2008 do UBND thành phố T, tỉnh Tuyên Quang cấp cho bà Đặng Như H, địa chỉ tổ 25, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND tỉnh Tuyên Quang;
- THA dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thanh Hương